

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 38

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Quyết định số 03/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 106/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0303827455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK cho phép bổ sung thêm dịch vụ tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 2138/GPDC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty mẹ đã nhận giấy phép thành lập và hoạt động số 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 và Giấy phép kinh doanh Điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC8/KDBH ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Faizal Gaffoor	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Wendy Lim	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Ngô Thế Triệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023
Ông Phương Tiến Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Ngô Thế Triệu, bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2018, và được tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Ngô Thế Triệu - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Tổng Giám đốc") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải: lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

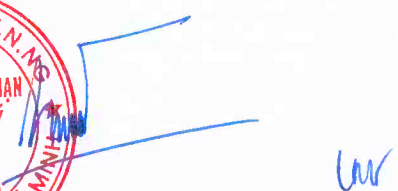
Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 13426425/67591117

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 32 - Dữ liệu tương ứng, trong đó Công ty trình bày việc điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng trong thuyết minh về chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để sửa chữa sai sót trong thuyết minh này trước đây.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 24 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Hương Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2023-004-1



Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTQ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000 (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		314.082.210	383.489.705
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	53.472.464	75.982.967
111	1. Tiền		23.472.464	10.982.967
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000	65.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	180.000.000	240.000.000
121	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		180.000.000	240.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		77.890.963	65.326.027
134	1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	7.1	75.765.413	59.750.342
135	2. Phải thu khác	7.2	2.155.550	5.605.685
139	3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(30.000)	(30.000)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.718.783	2.180.711
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.718.783	2.180.711
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.290.978	6.866.003
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.238.356	1.238.356
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	1.238.356	1.238.356
220	II. Tài sản cố định		6.196.483	1.435.877
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.128.581	1.435.877
222	Nguyên giá		4.560.943	6.015.392
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.432.362)	(4.579.515)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	Nguyên giá		131.501	131.501
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(131.501)	(131.501)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	5.067.902	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		2.856.139	4.191.770
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		132.249	495.997
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	2.723.890	3.695.773
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		324.373.188	390.355.708

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023


B01-CTQ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		46.441.673	63.749.663
310	I. Nợ ngắn hạn		39.876.807	58.663.153
312	1. Phải trả người bán		-	358.859
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	11.248.808	7.638.486
315	3. Phải trả người lao động		1.747.916	-
316	4. Chi phí phải trả	13	26.117.106	37.910.593
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	762.977	12.755.215
330	II. Nợ dài hạn		6.564.866	5.086.510
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	15	1.261.724	1.294.074
337	2. Dự phòng phải trả dài hạn	16	5.303.142	3.792.436
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		277.931.515	326.606.045
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	25.000.000	25.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		2.500.000	2.500.000
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.500.000	2.500.000
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		247.931.515	296.606.045
420a	4.1 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		96.606.045	174.562.330
420b	5.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		151.325.470	122.043.715
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		324.373.188	390.355.708

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000 (trình bày lại)
001	Cam kết thuê hoạt động	28	12.192.988	16.969.307
005	Ngoại tệ	29	876.432	142.002
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	24	2.365.769.737	4.085.809.971
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	25	144.473.009.274	137.264.645.767
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	26	6.207.229.106	5.442.012.877
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	27	447.711.079	104.425.091


Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán


Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng




Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000 (trình bày lại)
10	1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	287.639.910	253.144.036
11	2. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	(54.693.449)	(47.983.805)
20	3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		232.946.461	205.160.231
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20	15.553.360	8.700.328
22	5. Chi phí hoạt động tài chính		(403.443)	(778.640)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(58.082.725)	(60.047.745)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		190.013.653	153.034.174
31	8. Thu nhập khác		2.602	30.483
40	9. Lợi nhuận khác		2.602	30.483
50	10. Lợi nhuận kế toán trước thuế		190.016.255	153.064.657
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(37.718.902)	(31.292.270)
52	12. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22.3	(971.883)	271.328
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		151.325.470	122.043.715



Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán



Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Hồng Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 28 tháng 3 năm 2024


Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		190.016.255	153.064.657
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8	711.696	448.639
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(4.437)	360.280
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(15.085.101)	(8.602.147)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		175.638.413	145.271.429
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(14.993.058)	152.229
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(21.084.240)	2.469.065
12	Tăng chi phí trả trước		(174.324)	(324.706)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(33.942.652)	(32.333.546)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		105.444.139	115.234.471
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & XDCBDD		(5.472.302)	(1.621.693)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.601	28.783
23	Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(1.360.000.000)	(820.000.000)
24	Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		1.420.000.000	735.000.000
27	Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư		17.510.622	5.815.340
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng cho) hoạt động đầu tư		72.040.921	(80.777.570)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(200.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính		(200.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(22.514.940)	34.456.901
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	5	75.982.967	41.886.346
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.437	(360.280)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	53.472.464	75.982.967


Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán


Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng




Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTQ

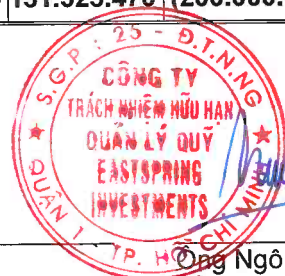
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND'000	Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND'000	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000
				Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000		
1. Vốn góp	17	25.000.000	25.000.000	-	-	-	-	25.000.000	25.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		2.500.000	2.500.000	-	-	-	-	2.500.000	2.500.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.500.000	2.500.000	-	-	-	-	2.500.000	2.500.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối		174.562.330	296.606.045	122.043.715	-	151.325.470	(200.000.000)	296.606.045	247.931.515
TỔNG CỘNG		204.562.330	326.606.045	122.043.715	-	151.325.470	(200.000.000)	326.606.045	277.931.515



Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán



Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Quyết định số 03/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 106/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0303827455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK cho phép bổ sung thêm dịch vụ tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 2138/GPDC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty mẹ đã nhận Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 và Giấy phép Kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC8/KDBH ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 25 nhân viên (31 tháng 12 năm 2022: 24 nhân viên) trong đó có một (1) nhân viên quản lý cấp cao, 11 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản và 2 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang thực hiện quản lý:

- Danh mục đầu tư của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, và
- Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1),
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2),
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3),
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4), và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Cơ sở đo lường*

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính*

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn đến nghìn đồng gần nhất ("VND'000").

2.5 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký Chung.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng đáo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ không quá một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng.

Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Chi phí nâng cấp	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

4.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ theo khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc theo khoảng thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.9 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

4.11 *Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên*

Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên bao gồm khoản thưởng bằng tiền cho nhân viên mà Công ty có nghĩa vụ chi trả trong vòng ba năm. Khoản thưởng này được ghi nhận là khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương ứng với khoản tăng nợ phải trả, trong khoảng thời gian mà nhân viên được hưởng các khoản thưởng này ("năm được nhận thưởng"). Khoản chi phí ghi nhận được điều chỉnh hàng năm bằng cách tham chiếu với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Eastspring Investments trên toàn Châu Á trong năm được nhận thưởng.

4.12 *Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư*

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành.

4.13 *Các quỹ*

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để sử dụng bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định hiện hành.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Chủ sở hữu phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư, phí quản trị danh mục đầu tư và phí hỗ trợ phân bổ tài sản được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.16 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (nhà đầu tư), công ty mẹ cấp cao nhất của nhà đầu tư này và các công ty con và công ty liên kết của của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

4.20 Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 125 không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Tiền gửi tại ngân hàng		
- Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	21.677.949	9.500.736
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	1.794.515	1.482.231
	23.472.464	10.982.967
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng		
- Ngân hàng MUFG, Chi nhánh Thành phố Hà Nội	30.000.000	20.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	-	20.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	-	20.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	-	5.000.000
	30.000.000	65.000.000
	53.472.464	75.982.967

Các khoản tương đương tiền của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có lãi suất là 2,47%/năm đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND. Trong trường hợp Công ty rút tiền gửi trước ngày đáo hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được hưởng lãi suất theo chính sách của ngân hàng áp dụng cho trường hợp rút trước ngày đáo hạn.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	105.000.000	-
- Ngân hàng MUFG, Chi nhánh Thành phố Hà Nội	45.000.000	80.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	30.000.000	125.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	-	35.000.000
	180.000.000	240.000.000

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được hưởng lãi suất từ 4,00%/năm đến 5,50%/năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

7.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Phải thu công ty mẹ	75.510.781	59.460.112
Phải thu các công ty liên quan khác	254.632	290.230
	75.765.413	59.750.342

7.2 Phải thu khác

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Lãi dự thu	1.449.323	3.877.445
Phải thu từ người lao động	115.000	35.000
Đặt cọc tiền thuê	45.000	45.000
Phải thu khác	546.227	1.648.240
	2.155.550	5.605.685

Bao gồm trong khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các khoản phải thu đã quá hạn có giá trị ghi sổ là 30 triệu VND (31 tháng 12 năm 2022: 30 triệu VND).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Chi phí nâng cấp</i> VND'000	<i>Thiết bị văn phòng</i> VND'000	<i>Tổng cộng</i> VND'000
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.410.252	2.605.140	6.015.392
Tăng trong năm	-	404.400	404.400
Thanh lý trong năm	(1.858.849)	-	(1.858.849)
Số cuối năm	1.551.403	3.009.540	4.560.943
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản đã khấu hao hết</i>	-	2.380.850	2.380.850
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	2.038.562	2.540.953	4.579.515
Khấu hao trong năm	517.134	194.562	711.696
Thanh lý trong năm	(1.858.849)	-	(1.858.849)
Số cuối năm	696.847	2.735.515	3.432.362
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.371.690	64.187	1.435.877
Số cuối năm	854.556	274.025	1.128.581

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i> VND'000
Nguyên giá	
Số đầu năm	131.501
Số cuối năm	131.501
<i>Trong đó:</i>	
<i>Tài sản đã hao mòn hết</i>	131.501
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	131.501
Số cuối năm	131.501
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Số cuối năm</i> VND'000	<i>Số đầu năm</i> VND'000
Phần mềm máy tính	5.067.902	-
	5.067.902	-

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i> VND'000	<i>Số đầu năm</i> VND'000
Đặt cọc thuê văn phòng	1.238.356	1.238.356
	1.238.356	1.238.356

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm</i> VND'000	<i>Trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i> VND'000
		<i>Phải trả</i> VND'000	<i>Đã nộp</i> VND'000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.162.052	37.718.902	(33.942.652)	9.938.302
Thuế nhà thầu	1.086.068	2.796.732	(2.744.032)	1.138.768
Thuế thu nhập cá nhân	390.366	14.705.165	(14.923.793)	171.738
	7.638.486	55.220.799	(51.610.477)	11.248.808

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i> VND'000	<i>Số đầu năm</i> VND'000
Các khoản tiền thưởng cho nhân viên	19.630.948	22.482.739
Chi phí hoạt động	2.628.408	8.611.156
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (<i>Thuyết minh 16</i>)	2.090.774	4.292.004
Các khoản khác	1.766.976	2.524.694
	26.117.106	37.910.593

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản chi phí phải trả liên quan đến dịch vụ công nghệ thông tin và hành chính văn phòng cho các công ty liên quan, chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Phải trả cho công ty mẹ – Phi thương mại	-	296.254
Phải trả các công ty liên quan khác – Phi thương mại	350.910	12.025.107
Phải trả bên thứ ba – Phi thương mại	412.067	433.854
	762.977	12.755.215

Các khoản phải trả phi thương mại đối với công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

15. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM

	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Số đầu năm	1.294.074	1.249.363
Dự phòng trích lập trong năm	185.083	60.112
Dự phòng sử dụng trong năm	(217.433)	(15.401)
Số cuối năm	1.261.724	1.294.074

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên (i)	5.023.949	3.409.287
Thưởng khác	279.193	383.149
	5.303.142	3.792.436

(i) Biến động của khoản thưởng dài hạn cho nhân viên trong năm như sau:

	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Số đầu năm	3.409.287	3.656.871
Dự phòng trích lập trong năm	3.705.436	4.044.420
Chuyển sang các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 13)	(2.090.774)	(4.292.004)
Số cuối năm	5.023.949	3.409.287

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	<i>Theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK VND'000</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Vốn đã góp VND'000</i>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	25.000.000	100	25.000.000

18. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Năm nay VND'000</i>	<i>Năm trước VND'000</i>
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư (i)	235.651.053	208.395.389
Doanh thu hoạt động giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản (ii)	31.811.763	29.671.073
Doanh thu hoạt động quản trị quỹ (iii)	16.100.915	14.960.443
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư (iv)	1.130.852	117.131
Doanh thu từ hoạt động báo cáo hiệu suất chuyên sâu (v)	2.945.327	-
	287.639.910	253.144.036

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty quản lý năm (05) danh mục đầu tư chứng khoán và một (01) quỹ đầu tư với tổng giá trị tài sản ròng là 170.886 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2022: 145.409 tỷ VND).

Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ Nhân thọ, Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Liên kết Đơn vị, Quỹ Liên kết chung và Quỹ Hưu trí của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phí quản lý danh mục đầu tư nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 232.670 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 205.327 triệu VND).

Công ty cũng quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam là 2.981 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.068 triệu VND).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

- (ii) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu từ hoạt động giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 31.812 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 29.671 triệu VND).
- (iii) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu từ hoạt động quản trị quỹ cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 16.101 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 14.960 triệu VND).
- (iv) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư cho Eastspring Investments (Singapore) Limited là 1.131 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 117 triệu VND).
- (v) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu từ hoạt động báo cáo hiệu suất chuyên sâu cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 2.945 triệu VND.

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000 (trình bày lại)
Chi phí nhân viên	27.146.403	24.507.325
Chi phí dịch vụ CNTT	12.850.821	15.234.671
Chi phí dịch vụ hỗ trợ văn phòng	7.702.209	1.762.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.408.799	2.916.554
Chi phí thuê văn phòng	2.443.121	2.460.680
Chi phí dịch vụ quỹ và trả cho nhà phân phối quỹ	792.159	872.916
Chi phí khấu hao	349.937	229.092
	54.693.449	47.983.805

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.082.500	8.573.364
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	470.860	126.964
	15.553.360	8.700.328

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> <i>VND'000</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND'000</i> <i>(trình bày lại)</i>
Chi phí nhân viên	29.173.491	31.742.372
Chi phí dịch vụ hỗ trợ văn phòng	8.294.790	1.984.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.956.007	8.479.819
Chi phí dịch vụ CNTT	5.365.512	9.109.993
Chi phí thuê văn phòng	2.525.659	2.358.151
Chi phí khấu hao	361.759	219.547
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp (*)	462.000	259.965
Chi phí khác	4.943.507	5.893.323
	58.082.725	60.047.745

(*) Bao gồm phí kiểm toán báo cáo tài chính và phí kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty đã được cơ quan thuế quyết toán thuế đến năm 2011.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<i>Năm nay</i> <i>VND'000</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND'000</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.644.698	31.300.670
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(8.400)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	74.204	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại <i>(Thuyết minh số 22.3)</i>	971.883	(271.328)
	38.690.785	31.020.942

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	190.016.255	153.064.657
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2022: 20%)	38.003.250	30.612.931
<i>Điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	613.331	416.411
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	74.204	-
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(8.400)
Chi phí thuế TNDN	38.690.785	31.020.942

22.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

22.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Chi phí phải trả	1.410.917	2.678.471	(1.267.554)	235.273
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên và thưởng khác	1.060.628	758.487	302.141	27.113
Trợ cấp thôi việc	252.345	258.815	(6.470)	8.942
	2.723.890	3.695.773	(971.883)	271.328

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND'000</i>	<i>Năm trước VND'000</i>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư	232.670.092	205.327.193
		Phí dịch vụ giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản	31.811.763	29.671.073
		Phí dịch vụ báo cáo hiệu suất chuyên sâu	2.945.327	-
		Phí dịch vụ quản trị quỹ	16.100.915	14.960.443
		Phí liên quan đến dịch vụ CNTT và vận hành	(3.763.475)	(5.208.897)
		Chi phí trả hộ cho Công ty	(932.027)	(600.174)
		Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	(200.000.000)	-
Prudential Corporation Holdings Ltd	Bên liên quan	Chi hộ cho Công ty	(589.759)	(574.665)
		Phí dịch vụ hỗ trợ vận hành	(15.996.999)	(3.747.142)
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Bên liên quan	Phí liên quan đến dịch vụ CNTT và vận hành	(17.616.839)	(25.289.709)
		Thu lại chi phí trả hộ bởi Công ty	215.729	90.961
		Chi phí trả hộ bởi Công ty	102.600	-
		Phí tư vấn	1.130.852	117.131
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Bên liên quan	Phí dịch vụ hỗ trợ	(2.153.758)	(2.152.036)
Prudential Services Asia Sdn Bhd	Bên liên quan	Chi hộ cho Công ty	(81.292)	-
Prudential Services Singapore Pte Ltd	Bên liên quan	Phí dịch vụ hỗ trợ	(1.570.538)	-
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	2.980.961	3.068.196
Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Ban Quản lý	Lương, thưởng và phúc lợi khác	40.027.279	41.122.114

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm Phải thu/ (Phải trả) VND'000</i>	<i>Số đầu năm Phải thu/ (Phải trả) VND'000</i>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	61.772.783	48.824.561
		Phải thu phí dịch vụ giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản	8.262.053	7.064.237
		Phải thu phí dịch vụ báo cáo hiệu suất chuyên sâu	1.294.262	-
		Phải thu phí dịch vụ quản trị quỹ	4.181.683	3.571.314
		Phải trả phí dịch vụ CNTT và vận hành	-	-
		Các khoản phải trả khác	-	(296.254)
Prudential Corporation Holdings Ltd	Bên liên quan	Phải trả phí trả hộ cho công ty	(350.910)	-
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Bên liên quan	Phải trả phí dịch vụ CNTT và vận hành	-	(11.216.628)
		Phí tư vấn	-	50.230
		Phải thu chi phí trả hộ bởi công ty	102.600	207.463
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Bên liên quan	Phải trả phí dịch vụ hỗ trợ	-	(808.479)
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	254.632	240.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền giữ hộ nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ đầu tư dưới sự quản lý của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (i)	2.321.941.701	4.070.575.860
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (ii)	43.828.036	15.234.111
	2.365.769.737	4.085.809.971

(i) Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Số đầu năm	4.070.575.860	8.348.946.251
Tăng trong năm	138.745.206.210	185.000.251.774
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	114.996.142.150	156.771.092.327
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	23.749.064.060	28.229.159.447
Giảm trong năm	(140.493.840.369)	(189.278.622.165)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(114.817.992.453)	(171.066.070.770)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(25.675.847.916)	(18.212.551.395)
Số cuối năm	2.321.941.701	4.070.575.860

(ii) Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Số đầu năm	15.234.111	22.204.489
Tăng trong năm	464.726.630	416.218.701
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	463.715.630	413.361.143
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	1.011.000	2.857.558
Giảm trong năm	(436.132.705)	(423.189.079)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(428.682.509)	(416.649.967)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(3.030.196)	(2.286.443)
Tiền giảm khác	(4.420.000)	(4.252.669)
Số cuối năm	43.828.036	15.234.111

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

25. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
Chứng khoán vốn niêm yết	12.655.003.524	11.493.321.091
<i>Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá bao gồm:</i>		
Chứng khoán nợ niêm yết	2.292.958.426	5.121.215.081
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	77.704.041.655	65.137.068.469
Tiền gửi có kỳ hạn	13.656.311.523	15.441.311.523
	40.312.660.482	45.027.534.272
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam		
Chứng khoán vốn niêm yết	109.186.118	75.466.808
<i>Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá bao gồm:</i>		
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	6.366.170	45.481.870
Tiền gửi có kỳ hạn	-	5.000.000
	35.805.972	84.943.604
	144.473.009.274	137.264.645.767

26. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	3.457.898.786	2.954.166.335
Lãi phải thu từ chứng khoán nợ	2.392.512.535	2.216.198.850
Phải thu cổ tức, trái tức	316.243.310	70.111.086
Phải thu tiền bán chứng khoán	30.124.116	164.739.633
Các khoản phải thu khác	9.532.951	35.160.604
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam		
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	917.408	1.340.984
Lãi phải thu từ chứng khoán nợ	-	49.315
Phải thu cổ tức, trái tức	-	246.070
	6.207.229.106	5.442.012.877

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối năm</i> VND'000	<i>Số đầu năm</i> VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
Phải trả tiền mua chứng khoán	428.788.597	83.302.122
Phải trả phí khác	14.490.157	20.492.644
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam		
Phải trả tiền mua chứng khoán	3.837.287	-
Phải trả phí khác	595.038	630.325
	447.711.079	104.425.091

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i> VND'000	<i>Số đầu năm</i> VND'000
Dưới 1 năm	4.826.375	4.776.318
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	7.366.613	12.192.989
	12.192.988	16.969.307

29. NGOẠI TỆ

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Nguyên tệ</i>	<i>Tương đương VND'000</i>	<i>Nguyên tệ</i>	<i>Tương đương VND'000</i>
USD	36.123,64	876.432	6.065,59	142.002

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

30.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ báo cáo năm như sau:

	<i>Không quá hạn VND'000</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND'000</i>	<i>Bị giảm giá trị riêng lẻ VND'000</i>	<i>Tổng cộng VND'000</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Các công cụ tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.472.464	-	-	53.472.464
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	180.000.000	-	-	180.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	75.765.413	-	-	75.765.413
Các khoản phải thu khác	3.363.906	-	30.000	3.393.906
	312.601.783	-	30.000	312.631.783

	<i>Không quá hạn VND'000</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND'000</i>	<i>Bị giảm giá trị riêng lẻ VND'000</i>	<i>Tổng cộng VND'000</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Các công cụ tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.982.967	-	-	75.982.967
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	240.000.000	-	-	240.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	59.750.342	-	-	59.750.342
Các khoản phải thu khác	6.814.041	-	30.000	6.844.041
	382.547.350	-	30.000	382.577.350

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở không chiết khấu.

	<i>Dưới 1 tháng</i> VND'000	<i>Từ 1 đến 3 tháng</i> VND'000	<i>Tổng cộng</i> VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả ngắn hạn khác	762.977	-	762.977
Chi phí phải trả	-	4.395.384	4.395.384
	762.977	4.395.384	5.158.361
	<i>Dưới 1 tháng</i> VND'000	<i>Từ 1 đến 3 tháng</i> VND'000	<i>Tổng cộng</i> VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	358.859	-	358.859
Phải trả ngắn hạn khác	12.755.215	-	12.755.215
Chi phí phải trả	-	11.135.850	11.135.850
	13.114.074	11.135.850	24.249.924

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

32. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng trong thuyết minh về chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để sửa chữa sai sót trong thuyết minh này trước đây liên quan đến số dư phải thu và phải trả nhà đầu tư ủy thác. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành phân loại lại một số khoản mục tài sản để đảm bảo tính so sánh với số liệu của năm tài chính hiện hành. Chi tiết như sau:

Trích từ các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm VND'000 (đã trình bày)	Điều chỉnh VND'000	Số đầu năm VND'000 (trình bày lại)
50	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	26	4.058.834.352	1.383.178.525	5.442.012.877
51	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	27	-	104.425.091	104.425.091

Trích từ bảng cân đối kế toán

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm VND'000 (đã trình bày)	Điều chỉnh VND'000	Số đầu năm VND'000 (trình bày lại)
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	1.238.356	1.238.356
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	-	1.238.356	1.238.356
260	III. Tài sản dài hạn khác		5.430.126	(1.238.356)	4.191.770
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.238.356	(1.238.356)	-

Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

Trích từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm trước VND'000 (đã trình bày)	Điều chỉnh VND'000	Năm trước VND'000 (trình bày lại)
11	2. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	-	(47.983.805)	(47.983.805)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(108.031.550)	47.983.805	(60.047.745)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - CTQ

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán



Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024